

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào Điều 29; khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 212 và Điều 213; Điều 396; Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 980/2024/TLST-VHNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Trần Minh N, sinh năm 1966

Ông Nguyễn A; sinh năm 1966

Cùng hộ khẩu thường trú và cùng trú tại: Phường T, quận H, Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân:

Bà Trần Minh N và ông Nguyễn A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận Đ, thành phố Hà Nội ngày 30/3/1993. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính cách không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống, không ai quan tâm đến ai. Vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả.

Nay Bà Trần Minh N và ông Nguyễn A cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, cùng thống nhất thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung:

Bà Trần Minh N và ông Nguyễn A cùng xác nhận trong thời kỳ hôn

nhân ông bà không có con chung.

Về con nuôi: Bà Trần Minh N và ông Nguyễn A cùng các nhận vợ chồng có nhận 01 con nuôi là Nguyễn Tùng L; sinh ngày 29/3/1995. Anh L đã đủ tuổi trưởng thành, bà N, ông A không yêu cầu tòa án giải quyết.

[3]. Về tài sản chung và nhà ở chung:

Bà Trần Minh N và ông Nguyễn A thỏa thuận phân chia tài sản chung vợ chồng theo văn bản thỏa thuận phân chia tài sản ngày 13/01/2025 được văn phòng thừa phát lại M lập vi bằng số 06/2025/VB-TPLMT ngày 13/01/2025 và hợp đồng tặng cho phần quyền sở hữu nhà ở số công chứng 31.HĐTC quyền số 01/2025 TP/CC-SCC/HĐGD do văn phòng công chứng C chứng nhận ngày 13/01/2025.

Bà Trần Minh N và ông Nguyễn A cam kết không còn tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về công nợ chung:

Bà Trần Minh N và ông Nguyễn A xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí:

Bà Trần Minh N tự nguyện chịu cả 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân:

* **Về tình cảm:** Bà Trần Minh N và ông Nguyễn A cùng thuận tình ly hôn.

* **Về con chung:** Bà Trần Minh N và ông Nguyễn A cùng xác nhận trong thời kỳ hôn nhân ông bà không có con chung.

Về con nuôi: Bà Trần Minh N và ông Nguyễn A cùng các nhận vợ chồng có nhận 01 con nuôi là Nguyễn Tùng L; sinh ngày 29/3/1995. Anh L đã đủ tuổi trưởng thành, bà N, ông A không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

* **Về tài sản và nhà ở chung:** Bà Trần Minh N và ông Nguyễn A thỏa thuận phân chia tài sản chung vợ chồng theo văn bản thỏa thuận phân chia tài sản ngày 13/01/2025 được văn phòng thừa phát lại M lập vi bằng số 06/2025/VB-TPLMT ngày 13/01/2025 và hợp đồng tặng cho phần quyền sở hữu nhà ở số công chứng 31.HĐTC quyền số 01/2025 TP/CC-SCC/HĐGD do

văn phòng công chứng C chứng nhận ngày 13/01/2025.

Bà Trần Minh N và ông Nguyễn A cam kết không còn tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

*** Về nợ chung:** Bà Trần Minh N và ông Nguyễn A cùng xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án:

Bà Trần Minh N tự nguyện chịu cả 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp theo biên lai số: 0034448 ngày 30/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận H – Thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND phường N, quận Đ, Hà Nội; (GCNKH số 47; quyền số 08/1993;)
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thanh Vân